

Bộ câu hỏi trắc nghiệm Địa Lí 11 bài 9 Nhật Bản phần 2

Câu 1. **Hạn chế lớn nhất trong phát triển công nghiệp Nhật Bản là**

- A. thị trường bị thu hẹp.
- B. thiếu nguồn vốn đầu tư.
- C. khoa học chậm đổi mới.
- D. thiếu nguyên, nhiên liệu bên ngoài.

Câu 2. **Hãng công nghiệp chế tạo nổi tiếng của Nhật Bản không phải là**

- A. Nissan
- B. Hitachi
- C. Electric
- D. Mitsubisi

Câu 3. **Hãng sản xuất điện tử nổi tiếng của Nhật Bản không phải là**

- A. Toshiba
- B. Electric
- C. Mítubisi
- D. Nipon

Câu 4. **Hiện nay, kinh tế Nhật Bản đang phát triển như thế nào?**

- A. Đứng đầu thế giới về kinh tế và tài chính.
- B. Đứng thứ 2 thế giới về kinh tế và tài chính.
- C. Đứng thứ 3 thế giới về kinh tế và tài chính.
- D. Đứng thứ 4 thế giới về kinh tế và tài chính.

Câu 5. **Khí hậu phía bắc Nhật Bản có đặc điểm là**

- A. mùa đông không lạnh lắm
- B. có khí hậu ôn đới
- C. mùa đông ngắn, ít có tuyết rơi
- D. mùa hạ nóng, thường có mưa to và bão

Câu 6. **Khí hậu phía nam Nhật Bản có đặc điểm là**

- A. mùa đông kéo dài, có nhiều tuyết
- B. mùa đông không lạnh lắm
- C. có tính chất khí hậu ôn đới
- D. mùa hạ không nóng

Câu 7. **Khó khăn lớn nhất về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là**

- A. Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh.
- B. Khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam.
- C. Nghèo khoáng sản.
- D. Nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau.

Câu 8. Khu vực dịch vụ của Nhật Bản chiếm bao nhiêu phần trăm giá trị GDP (năm 2004)

- A. 46%
- B. 57%
- C. 68%
- D. 79%

Câu 9. Khu vực kinh tế quan trọng, chiếm 68% giá trị GDP của Nhật Bản (năm 2004) là:

- A. công nghiệp
- B. nông nghiệp
- C. dịch vụ
- D. xây dựng

Câu 10. Lãnh thổ Nhật Bản trải ra theo một vòng cung dài khoảng

- A. 8300 km.
- B. 3800 km.
- C. 380 km.
- D. 830 km.

Câu 11. Loại khoáng sản đáng kể nhất ở Nhật Bản là

- A. dầu mỏ, chì, kẽm
- B. than đá, đồng
- C. than đá, dầu mỏ
- D. sắt, dầu mỏ

Câu 12. Mỗi năm Nhật Bản có hàng nghìn trận động đất lớn, nhỏ, là do

- A. Nhật Bản nằm trên vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải- Thái Bình Dương.
- B. Nhật Bản nằm trên vành đai động đất, núi lửa Địa Trung Hải- Thái Bình Dương.
- C. Nhật Bản nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- D. Nhật Bản nằm trên vành đai sinh vật Địa Trung Hải- Thái Bình Dương.

Câu 13. Mỗi năm ở Nhật Bản có bao nhiêu trận động đất lớn nhỏ

- A. Hàng chục
- B. Hàng trăm
- C. Hàng nghìn

D. Hàng chục nghìn

Câu 14. **Môn võ truyền thống của Nhật Bản là**

- A. Vô-vi-nam
- B. Ka-ra-tê-đô
- C. Wu-shu
- D. Su-mô

Câu 15. **Một trong những đặc trưng nổi bật của người lao động Nhật Bản là:**

- A. Không có tinh thần đoàn kết.
- B. Ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm rất cao.
- C. Trình độ công nghệ thông tin đứng đầu thế giới.
- D. Năng động nhưng không cần cù.

Câu 16. **Mùa đông đỡ lạnh, mùa hạ đỡ nóng, thường có mưa to và bão là đặc điểm khí hậu của**

- A. Đảo Hô-cai-đô.
- B. Phía nam Nhật Bản.
- C. Đảo Hôn-su.
- D. Các đảo nhỏ phía bắc Nhật Bản.

Câu 17. **Mùa đông đỡ lạnh, mùa hạ đỡ nóng, thường có mưa to và bão là đặc điểm khí hậu của**

- A. Đảo Hô-cai-đô
- B. Đảo Kiu-xiu
- C. Đảo Hôn-su
- D. Các đảo nhỏ phía bắc Nhật Bản

Câu 18. **Mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết là đặc điểm khí hậu của**

- A. Phía bắc Nhật Bản
- B. Phía nam Nhật Bản
- C. Khu vực trung tâm Nhật Bản
- D. Ven biển Nhật Bản

Câu 19. **Mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết là đặc điểm khí hậu của vùng khí hậu nào dưới đây của Nhật Bản?**

- A. Phía bắc Nhật Bản.
- B. Phía nam Nhật Bản.
- C. Khu vực trung tâm Nhật Bản.
- D. Ven biển Nhật Bản.

Câu 20. Nền nông nghiệp của Nhật Bản có đặc trưng nổi bật là

- A. Tự cung, tự cấp nhưng năng suất cao.
- B. Thâm canh, chú trọng năng suất và sản lượng.
- C. Quy mô lớn với hướng chuyên môn hóa.
- D. Sản xuất chủ yếu phục vụ xuất khẩu.

Câu 21. Ngành công nghiệp chế tạo chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu?

- A. 30%
- B. 40%
- C. 50%
- D. 60%

Câu 22. Ngành công nghiệp mũi nhọn của Nhật Bản là

- A. sản xuất điện tử
- B. đóng tàu
- C. sản xuất ô tô
- D. dệt

Câu 23. Ngành công nghiệp nào của Nhật Bản chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu

- A. Công nghiệp chế tạo
- B. Công nghiệp sản xuất điện tử
- C. Công nghiệp xây dựng
- D. Công nghiệp dệt

Câu 24. Ngành sản xuất vật chất của Nhật Bản có giá trị sản lượng đứng thứ hai thế giới là

- A. nông nghiệp
- B. công nghiệp
- C. tài chính
- D. ngư nghiệp

Câu 25. Ngành vận tải biển của Nhật Bản phát triển mạnh là do

- A. Vị trí địa lý và đặc điểm lãnh thổ
- B. Công nghiệp cơ khí phát triển từ lâu đời
- C. Số dân đông, nhu cầu giao lưu lớn
- D. Ngành đánh bắt hải sản phát triển

Câu 26. Ngay sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1952, nền kinh tế Nhật Bản

- A. bị suy sụp nghiêm trọng.

- B. trở thành cường quốc hàng đầu.
- C. tăng trưởng và phát triển nhanh.
- D. được đầu tư phát triển mạnh.

Câu 27. Ngọn núi cao nhất ở Nhật Bản có tên là

- A. Trường Sơn
- B. Phú Sĩ
- C. An-pơ
- D. Thiên Sơn

Câu 28. Nguyên nhân chủ yếu củ cải đường phân bố ở phía bắc Nhật Bản do

- A. khí hậu ôn đới, mùa đông lạnh.
- B. khí hậu cận nhiệt đới, ẩm lớn.
- C. khí hậu gió mùa, mưa nhiều.
- D. khí hậu có mùa đông mát mẻ.

Câu 29. Nguyên nhân chủ yếu làm cho các vùng biển quanh Nhật Bản có nhiều cá là do

- A. Nhật Bản nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, thuận lợi cho sinh vật phát triển.
- B. Nhật Bản nằm ở khu vực động đất, núi lửa hoạt động mạnh.
- C. Nhật Bản nằm trên vành đai sinh vật Địa Trung Hải - Thái Bình Dương.
- D. Nhật Bản nằm ở nơi có nhiều dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.

Câu 30. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao từ năm 1950 đến năm 1973?

- A. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp, hạn chế vốn đầu tư
- B. Tập rung cao độ và phát triển các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn và duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.
- C. Tập trung phát triển các xí nghiệp lớn, giảm và bỏ hẳn những tổ chức sản xuất nhỏ, thủ công
- D. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng, phát triển nhanh các ngành cần đến khoáng sản

Câu 31. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho giao thông vận tải biển có vị trí không thể thiếu được đối với Nhật Bản là do

- A. nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp.
- B. nhu cầu liên hệ giữa các đảo trong nước.
- C. sự phát triển của ngoại thương yêu cầu.
- D. lãnh thổ đất nước là quần đảo cách xa lục địa.

Câu 32. Nguyên nhân chủ yếu nhất nào dưới đây làm cho giao thông vận tải biển có vị trí không thể thiếu được đối với Nhật Bản?

- A. Do lãnh thổ đất nước là quần đảo cách xa lục địa.
- B. Do nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp và nguyên liệu công nghiệp.
- C. Do nhu cầu liên hệ giữa các đảo trong nước.
- D. Do sự phát triển của ngoại thương yêu cầu.

Câu 33. Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho diện tích trồng lúa gạo của Nhật Bản giảm?

- A. Thiên tai khắc nghiệt: động đất, núi lửa,...
- B. Biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.
- C. Chuyển sang trồng các loại cây khác.
- D. Phát triển nông nghiệp quảng canh.

Câu 34. Nhận định nào sau đây không đúng về đặc điểm dân cư Nhật Bản?

- A. Phần nhỏ dân cư của Nhật Bản sinh sống ở các thành phố ven biển.
- B. Người lao động cần cù, làm việc tích cực, có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm rất cao.
- C. Nhật Bản là nước đông dân, tính tới 06/2017 dân số Nhật Bản đứng thứ 11 thế giới.
- D. Người Nhật rất chú trọng đầu tư cho giáo dục, y tế và giao thông công cộng.

Câu 35. Nhận định nào sau đây không đúng về kinh tế Nhật Bản?

- A. Là quốc gia lớn nhập siêu lớn nhất thế giới.
- B. Đứng đầu thế giới về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI).
- C. Đứng đầu thế giới về viện trợ phát triển trí thức (ODA).
- D. Đứng đầu thế giới về sản xuất và sử dụng rô-bốt.

Câu 36. Nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất giúp ngành vận tải biển của Nhật Bản phát triển mạnh là

- A. Vị trí địa lý và đặc điểm lãnh thổ.
- B. Công nghiệp phát triển nên nhu cầu trao đổi hàng hóa quốc tế lớn.
- C. Công nghiệp cơ khí phát triển từ lâu đời.
- D. Ngành đánh bắt hải sản phát triển.

Câu 37. Nhận xét nào sau đây không phải là nguyên nhân làm nên giai đoạn "Thần kì Nhật Bản" của nền kinh tế?

- A. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp, tăng vốn, gắn liền với áp dụng kỹ thuật mới.
- B. Tập trung cao độ vào phát triển các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn.
- C. Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng, vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì những cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công.

D. Không chịu bất kì ảnh hưởng nào của thiên tai: động đất, sóng thần, bão, lũ,...

Câu 38. Nhật Bản chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm sản phẩm công nghệ tin học thế giới

- A. 22%
- B. 41%
- C. 50%
- D. 60%

Câu 39. Nhật Bản chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm tổng số rôbot của thế giới

- A. 25%
- B. 41%
- C. 50%
- D. 60%

Câu 40. Nhật Bản có lượng mưa lớn là do

- A. tính chất quần đảo
- B. nằm trong khu vực gió mùa
- C. có dòng biển nóng và lạnh bao quanh
- D. nằm trong khu vực có áp cao hoạt động thường xuyên

Câu 41. Nhật Bản đã rút ngắn được khoảng cách và vươn lên dẫn đầu thế giới trong nhiều ngành kinh tế chủ yếu là do

- A. Người lao động Nhật Bản đông đảo, cần cù, chịu khó.
- B. Không nhập công nghệ mới từ bên ngoài.
- C. Phát huy được tính tự lập, tự cường.
- D. Tích cực nhập khẩu công nghệ, kĩ thuật của nước ngoài.

Câu 42. Nhật Bản đã rút ngắn được khoảng cách và vươn lên dẫn đầu thế giới trong nhiều ngành kinh tế chủ yếu là do

- A. Người lao động Nhật Bản đông đảo, cần cù, chịu khó
- B. Không nhập công nghệ mới từ bên ngoài
- C. Phát huy được tính tự lập, tự cường
- D. Tích cực nhập khẩu công nghệ, kĩ thuật của nước ngoài, tận dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật và vốn đầu tư của các nước.

Câu 43. Nhật Bản đứng đầu thế giới về sản xuất

- A. ô tô các loại
- B. vi mạch và chất bán dẫn
- C. vật liệu truyền thông
- D. điện và thép

Câu 44. **Nhật Bản** đứng hàng thứ mấy thế giới về thương mại

- A. Thứ hai
- B. Thứ ba
- C. Thứ tư
- D. Thứ năm

Câu 45. **Nhật Bản** đứng hàng thứ tư thế giới về

- A. tài chính
- B. giá trị GDP
- C. thương mại
- D. giá trị sản lượng công nghiệp

Câu 46. **Nhật Bản** đứng hàng thứ tư thế giới về thương mại không phải sau

- A. Hoa Kỳ
- B. LB Nga
- C. CHLB Đức
- D. Trung Quốc

Câu 47. **Nhật Bản** đứng hàng thứ tư thế giới về thương mại sau

- A. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Pháp
- B. Hoa Kỳ, Anh, Ô-xtrây-li-a
- C. Hoa Kỳ, LB Nga, CHLB Đức
- D. Hoa Kỳ, CHLB Đức, Trung Quốc

Câu 48. **Nhật Bản** đứng thứ hai thế giới về

- A. giao thông vận tải biển
- B. thương mại
- C. sản lượng điện
- D. giá trị sản lượng công nghiệp

Câu 49. **Nhật Bản** không phải đứng thứ hai thế giới về

- A. kinh tế
- B. tài chính
- C. thương mại
- D. giá trị sản lượng công nghiệp

Câu 50. **Nhật Bản** là nước

- A. không có khoáng sản
- B. nghèo khoáng sản
- C. giàu khoáng sản
- D. rất giàu về khoáng sản

Câu 51. **Nhật Bản nằm ở khu vực nào dưới đây?**

- A. Đông Á
- B. Nam Á
- C. Bắc Á
- D. Tây Á

Câu 52. **Nhật Bản nằm trong khu vực hoạt động chủ yếu của gió nào sau đây?**

- A. Gió mùa.
- B. Gió Tây.
- C. Gió Tín phong.
- D. Gió phơn.

Câu 53. **Nhật Bản sản xuất khoảng bao nhiêu phần trăm lượng xe gắn máy của thế giới**

- A. 20%
- B. 40%
- C. 60%
- D. 80%

Câu 54. **Nhật Bản sản xuất khoảng bao nhiêu phần trăm sản lượng ô tô của thế giới**

- A. 41%
- B. 25%
- C. 22%
- D. 60%

Câu 55. **Nhật Bản tập trung vào các ngành công nghiệp đòi hỏi kĩ thuật cao là do**

- A. Có nguồn lao động dồi dào
- B. Hạn chế sử dụng nhiều nguyên liệu, lợi nhuận cao
- C. Không có khả năng nhập khẩu các sản phẩm chất lượng cao
- D. Có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú

Câu 56. **Nhật Bản thường xuyên chịu ảnh hưởng của động đất và núi lửa là do**

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi
- B. tác động của sóng biển trên nền đất yếu
- C. nằm trong vành núi đai lửa Thái Bình Dương
- D. lãnh thổ là quần đảo nên nền đất không ổn định

Câu 57. **Nhật Bản xuất khẩu bao nhiêu phần trăm số xe ô tô sản xuất ra**

- A. 25%
- B. 45%
- C. 50%
- D. 60%

Câu 58. Nhóm tuổi chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản năm 2005 là

- A. từ 15 - 64 tuổi
- B. 65 tuổi trở lên
- C. dưới 15 tuổi
- D. trong độ tuổi lao động

Câu 59. Những năm 1973 - 1974 và 1979 - 1980, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm xuống nhanh, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. Có nhiều thiên tai
- B. Khủng hoảng dầu mỏ thế giới
- C. Khủng hoảng tài chính thế giới
- D. Cạn kiệt về tài nguyên khoáng sản

Câu 60. Những năm 1973-1974 và 1979-1980, tốc độ tăng trưởng nền kinh tế Nhật Bản sụt giảm là do nguyên nhân chủ yếu nào?

- A. Khủng hoảng dầu mỏ.
- B. Dịch bệnh bùng phát.
- C. Điều chỉnh chiến lược phát triển.
- D. Động đất và sóng thần.

Câu 61. Nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất ở Nhật Bản là

- A. phía bắc đảo Hôn-su
- B. phía nam đảo Hôn-su
- C. phía nam đảo Xi-cô-cư
- D. phía đông đảo Kiu-xiu

Câu 62. Nông nghiệp chỉ giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế NHẬT BẢN là do

- A. Nhật Bản ưu tiên phát triển thương mại, tài chính.
- B. Nhật Bản tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp.
- C. Diện tích đất nông nghiệp quá ít.
- D. Nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp có lợi thế hơn sản xuất.

Câu 63. Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế là đặc điểm của vùng

- A. Hôn-su.
- B. Kiu-xiu.
- C. Xi-cô-cư.
- D. Hô-cai-đô.

Câu 64. Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế là đặc điểm của vùng

- A. Hôn-su

- B.Kiu-xiu
- C. Xi-cô-cư
- D. Hô-cai-đô.

Câu 65. Núi Phú Sĩ nằm trên đảo nào dưới đây của Nhật Bản?

- A. Hôcaidô.
- B. Hônsu.
- C. Kiuxiu.
- D. Xicôcư.

Câu 66. Nước chiếm khoảng 22% sản phẩm công nghệ tin học thế giới là

- A. Hoa Kỳ
- B. LB Nga
- D. Nhật Bản

Câu 67. Nước chiếm khoảng 41% sản lượng tàu biển xuất khẩu của thế giới là

- A. Trung Quốc
- B. Nhật Bản
- C. LB Nga
- D. Hoa Kỳ

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 11 BÀI 9 NHẬT BẢN PHẦN 2 CÓ ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	D	Câu 35	A
Câu 2	C	Câu 36	A
Câu 3	C	Câu 37	D
Câu 4	B	Câu 38	A
Câu 5	B	Câu 39	D
Câu 6	B	Câu 40	B
Câu 7	C	Câu 41	D
Câu 8	C	Câu 42	D
Câu 9	C	Câu 43	B
Câu 10	B	Câu 44	C

Câu 11	B	Câu 45	C
Câu 12	B	Câu 46	B
Câu 13	C	Câu 47	D
Câu 14	D	Câu 48	D
Câu 15	B	Câu 49	C
Câu 16	B	Câu 50	B
Câu 17	B	Câu 51	A
Câu 18	A	Câu 52	A
Câu 19	A	Câu 53	C
Câu 20	B	Câu 54	B
Câu 21	B	Câu 55	B
Câu 22	A	Câu 56	C
Câu 23	A	Câu 57	B
Câu 24	B	Câu 58	C
Câu 25	A	Câu 59	B
Câu 26	A	Câu 60	A
Câu 27	B	Câu 61	B
Câu 28	A	Câu 62	C
Câu 29	D	Câu 63	C
Câu 30	B	Câu 64	C
Câu 31	C	Câu 65	B
Câu 32	D	Câu 66	D
Câu 33	C	Câu 67	B
Câu 34	A		

